

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 390/2024/HC-PT

Ngày 14 tháng 5 năm 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về việc
bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu
hồi đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
990/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi
đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2023/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm
2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 970/2024/QĐPT-HC
ngày 18 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1971, địa chỉ thường trú
Khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1990, địa chỉ
thường trú Tổ A, ấp S, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng
mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang, địa chỉ số
D đường C, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Chủ tịch Ủy
ban nhân dân thành phố P (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T, chức vụ: Phó chủ
tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Trương Quốc T1, chức vụ: Trưởng Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố P (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, qua giải quyết vụ án người khởi kiện ông Hoàng Văn B và người đại diện theo ủy quyền bà Huỳnh Thị Mỹ N trình bày:

Ông Hoàng Văn B là người sử dụng đất đối với diện tích 1.872,7m² tọa lạc tại Khu phố F phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Để thực hiện dự án Khu P, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P ban hành Quyết định số 3450/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 thu hồi đất đối với ông Hoàng Văn B, nhưng không có quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất, hoa màu, vật kiến trúc, nên ông B có đơn khiếu nại.

Ngày 09/8/2021 Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3121/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, thống nhất bồi thường 1.872,7m² đất và hoa màu, vật kiến trúc.

Ngày 28/12/2021 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 6486/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông B với số tiền 2.417.655.700 đồng. Trong đó về đất đai áp giá cụ thể năm 2019 bồi thường giá 373.000đ/m², vị trí 2 loại đất trồng cây lâu năm mà không áp giá đất cụ thể năm 2021 vào thời điểm bồi thường.

Ông Hoàng Văn B cho rằng, việc áp giá đất của UBND thành phố P là không phù hợp ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 112 và khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; quyết định bồi thường căn cứ giá đất năm 2019 và các quyết định của UBND tỉnh K đã hết hiệu lực vào ngày 01/01/2021.

Ông Hoàng Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 6486/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND thành phố P về việc bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Hoàng Văn B đối với nội dung: Bồi thường giá đất 373.000đ/m² đối với diện tích 1.872,7m².

- Buộc UBND thành phố P bồi thường diện tích đất 1.872,7m² tại Khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho ông Hoàng Văn B theo giá đất tại thời điểm bồi thường đất bổ sung.

Văn bản số 1231/UBND-NCPC ngày 25 tháng 7 năm 2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

Nguồn gốc diện tích 1.872,7m² tại khu phố F, thị trấn A, huyện P (nay là phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang) trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái B, ông Hoàng Văn B đang khiếu nại, trước năm 1995 đất do ông Nguyễn Văn A khai phá sử dụng cất một căn nhà, trồng cây ăn trái như: Xoài, M, Đ... khoảng năm 1995 ông A viết giấy tay chuyển nhượng diện tích đất trên cho ông Hoàng Văn B tiếp tục quản lý sử dụng cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch.

Năm 2008 UBND tỉnh K thành lập Đoàn Thanh tra về tình hình quản lý sử dụng đất đai của Vùng 5 Hải quân trên địa bàn thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 22/12/2008 Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Kết luận số 15/KL-UBND về việc kết luận nguồn gốc diện tích 4.488,21m² đất do ông Nguyễn Văn A khai phá sử dụng trước năm 1995, trong năm 1995 ông A viết giấy tay chuyển nhượng lại cho ông Hoàng Văn B (diện tích 1.872,7m² đất nằm trong diện tích 4.488,21m² đất).

Ngày 03/4/2014 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 750/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu P tại thị trấn A, huyện P.

Ngày 25/3/2014 UBND huyện P ban hành Thông báo số 133/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái biển tại B do Công ty cổ phần T2 đầu tư, tại khu phố F, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27/6/2014 UBND huyện P ban hành Quyết định số 3450/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 1.872,7m² đất, loại đất trồng cây lâu năm đối với ông Hoàng Văn B, tại khu phố F, thị trấn A, huyện P.

Ngày 27/6/2014 UBND huyện P ban hành Quyết định số 3188/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu D tại thị trấn A, huyện P. Theo phương án được duyệt, ông Hoàng Văn B bị thiệt hại diện tích 4.510,7m² đất, nhưng chỉ được bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 2.638m² đất và diện tích 1.872,7m² đất không được bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất với lý do Hội đồng bồi thường xác minh lại hiện trạng, nguồn gốc đất.

Ngày 10/3/2016 UBND huyện P ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 1.872,7m² đất với giá hỗ trợ 40% loại đất rừng sản xuất cho ông Hoàng Văn B, ông B không thống nhất nên làm đơn gửi đến Chủ tịch UBND thành phố xem xét.

Ngày 09/8/2021 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 3121/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn B, địa chỉ: Khu phố F, thị trấn A với nội dung: *“Giao Ban Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố chủ trì phối hợp quan chuyên môn tham mưu UBND thành phố P thu hồi số tiền hỗ trợ theo Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 10/3/2016. Đồng thời lập phương án bồi thường bổ sung diện tích 1.872,7m² đất ông Hoàng Văn B theo quy định”*.

Căn cứ Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh K, về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu P tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Ngày 02/12/2021 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 6070/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu P tại phường A, thành phố P.

Ngày 28/12/2021 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 6486/QĐ-UBND, về việc bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Hoàng Văn B với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 2.417.655.700 đồng (Trong đó: Bồi thường đất đai là 698.517.100 đồng, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 1.719.138.600 đồng).

UBND thành phố P bồi thường quyền sử dụng đất theo giá đất theo cụ thể

tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất diện tích 1.872,7m² tại Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 UBND tỉnh K là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, UBND thành phố P đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2023/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ các Điều 74, 112, 114 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

- Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B.

- Hủy Quyết định số 6486/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Hoàng Văn B.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công cụ theo quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Ban hành quyết định về việc bổ sung bồi thường về đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Hoàng Văn B đối với diện tích đất 1.872,7m², loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp (nay là khu phố) 6, thị trấn (nay là phường) An Thới, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh Kiên Giang (theo Quyết định số 3450/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2014 về việc thu hồi đất đối với ông Hoàng Văn B để thực hiện dự án Khu P tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang) theo giá đất cụ thể tại thời điểm bồi thường đất bổ sung.

+ Được trừ lại khoản tiền 2.417.655.700 đồng (Hai tỷ bốn trăm mười bảy triệu sáu trăm năm mươi năm nghìn bảy trăm đồng) ông Hoàng Văn B đã nhận (theo Quyết định số 6486/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Hoàng Văn B).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/8/2023, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày vẫn giữ kháng cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người bị kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Để thực hiện dự án Khu P, ngày 27/6/2014 UBND thành phố P ban hành quyết định thu hồi 1.872,7m² đất đối với ông Hoàng Văn B, ông B không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ 40% đất rừng sản xuất. Không đồng ý, ông B khiếu nại. Tại Quyết định số 3121/QĐ-UBND ngày 09/8/2021, Chủ tịch UBND thành phố P chấp nhận khiếu nại của ông B, giao Ban Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố chủ trì phối hợp cơ quan chuyên môn tham mưu UBND thành phố P thu hồi số tiền hỗ trợ theo Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 10/3/2016, đồng thời lập phương án bồi thường bổ sung diện tích 1.872,7m² đất ông Hoàng Văn B theo quy định.

[2.3] Trên cơ sở Quyết định số 3121/QĐ-UBND, ngày 28/12/2021 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 6486/QĐ-UBND bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Hoàng Văn B với số tiền 2.417.655.700 đồng, trong đó: Đất đai: 698.517.100 đồng; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 1.719.138.600 đồng (BL số 12).

[2.4] Ông Hoàng Văn B cho rằng, việc bồi thường về đất đai phải theo giá đất mới tại thời điểm ban hành quyết định bổ sung bồi thường năm 2021, nhưng

UBND thành phố P lại áp giá đất cũ của năm 2019 tính tiền bồi thường là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B.

Trong khi đó, UBND thành phố P cho rằng, việc bồi thường, hỗ trợ cho ông B là đúng quy định của pháp luật.

Xét, theo Bảng tổng hợp bổ sung số tiền bồi thường đất đai kèm theo quyết định (BL số 15) thể hiện: Đơn giá bồi thường 373.000.000 đồng/m² quy định tại Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh K về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu P tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Việc UBND thành phố P căn cứ Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh K về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất bổ sung đối với dự án Khu P tại thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang, để tính tiền bồi thường đất đai cho ông B là chưa phù hợp vì quyết định này là bổ sung giá đất cụ thể của dự án tính tiền bồi thường đất đai của năm 2019.

Theo quy định tại khoản 2 điều 74 Luật đất đai 2013 thì giá đất cụ thể được tính tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Phần đất của ông B có quyết định thu hồi đất số 3450/QĐ-UBND ngày 27/6/2014.

Ngày 27/6/2014, UBND huyện P ban hành Quyết định 3188/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu P tại thị trấn A, huyện P thị Kiên Giang”. Theo phương án được duyệt, ông Hoàng Văn B bị thiệt hại diện tích 4.510,7m² đất, nhưng chỉ được bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 2.638m² và diện tích 1.872,7m² đất không được bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất với lý do hội đồng bồi thường xác minh lại hiện trạng, nguồn gốc đất.

Ngày 10/3/2016, UBND huyện P ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 1.872,7m² với giá hỗ trợ 40% loại đất rừng sản xuất cho ông Hoàng Văn B, ông B không đồng ý nên làm đơn khiếu nại.

Ngày 09/8/2021, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 3121/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn B với nội dung: Hủy Quyết định số 846/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 1.872,7m² với giá hỗ trợ 40% loại đất rừng sản xuất cho ông Hoàng Văn B. Giao ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố chủ trì phối hợp cơ quan chuyên môn tham mưu UBND thành phố P thu hồi số tiền hỗ trợ theo Quyết định 864/QĐ-UBND ngày 10/3/2016. Đồng thời lập phương án bồi thường bổ sung diện tích 1.872,7m² đất cho ông Hoàng Văn B theo quy định.

Theo quy định tại khoản 2 điều 93 Luật đất đai 2013 thì trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Do việc chậm chi trả tiền bồi thường cho ông Hoàng Văn B thuộc lỗi của UBND thành phố P vì vậy, ngoài việc chi trả tiền bồi thường cho ông B theo giá tại thời điểm thu hồi đất thì UBND thành phố P còn phải chi trả tiền lãi cho ông B theo quy định tại khoản 2 điều 93 Luật đất đai năm

2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B là đúng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND thành phố P bồi thường cho ông B theo giá cụ thể tại thời điểm ban hành Quyết định bồi thường bổ sung là không đúng, Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của UBND thành phố P là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm, có điều chỉnh phần quyết định của bản án cho đúng quy định pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND thành phố Phú Quốc phải chịu, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố P. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2023/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Có điều chỉnh phần tuyên quyết định cho phù hợp.

Áp dụng các Điều 74, khoản 2 điều 93 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B.

- Hủy Quyết định số 6486/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung bồi thường đất đai, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Hoàng Văn B.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Hoàng Văn B số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0008353 ngày 23/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003318 ngày 18/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy